

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST

Ngày 29 - 9 - 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng L (gọi tắt là “Ngân hàng”); địa chỉ: đường Đ, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Ông Phạm Doãn S – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Mai H – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng L - Chi nhánh Đắk Nông – vắng mặt.

- Ông Nguyễn Cao C – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm giám sát kinh doanh và xử lý nợ; địa chỉ: phường N, thành phố G, Đắk Nông – vắng mặt.

- Ông Nguyễn Huy H – chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch T- Ngân hàng L - Chi nhánh Đắk Nông – có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ H, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng L trình bày:

Ngày 30/11/2018, ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số HDTD67020183176 ngày 30/11/2018, vay số tiền: 350.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 01/12/2018 đến ngày 30/11/2020). Mục đích sử dụng vốn: thanh toán các chi phí phát triển nông nghiệp nông thôn. Lãi suất: 12,2%/năm.

Thời hạn thanh toán gốc:

- Ngày 30/11/2019, phải trả số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 30/11/2020, phải trả số tiền 250.000.000 đồng.

Thời hạn thanh toán lãi: trả 02 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng theo dư nợ thực.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 901053, số vào sổ cấp GCN: CH 04785 do UBND huyện T cấp ngày 02/12/2015, tọa lạc tại thửa đất số 77; 78, tờ bản đồ số 84 tại xã Đắc Buk So, huyện T, tỉnh Đắk Nông đứng tên hộ ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N

Tài sản thế chấp được công chứng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1097/2017/HĐTC/CNDakNong ngày 05/12/2017 ký giữa Ngân hàng và hộ ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N đã được Văn Phòng công chứng Đ chứng nhận ngày 06/12/2017, số công chứng 4196, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD; và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/12/2017 tại Chi nhánh Văn Phòng Đăng ký đất đai Huyện T, Tỉnh Đắk Nông.

Trong quá trình vay vốn tại Ngân hàng, ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N đã không thực hiện đúng các cam kết theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, không hợp tác trong việc trả nợ. Ngày 10/12/2019 toàn bộ nợ vay của các hợp đồng tín dụng nêu trên đã chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất phạt quá hạn. Tổng số tiền nợ vay Khách hàng Nguyễn Vũ H còn nợ Ngân hàng L tạm tính đến ngày 29/9/2020 là 411.944.568 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho ông H và bà Nh thu xếp nguồn vốn để thanh toán tiền lãi vay và nợ gốc đúng hạn theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký nêu trên. Tuy nhiên, từ ngày 10/12/2019 đến nay, ông H và bà Nh vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông và xem xét giải quyết tranh chấp như sau:

Buộc ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD67020183176 ngày 30/11/2018; số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2020 là 411.944.568 đồng, bao gồm:

- Tiền lãi cho vay trong hạn đối với số tiền 350.000.000 đồng từ ngày 30/11/2018 – 30/11/2019: 43.054.433 đồng.
- Tiền lãi đối với nợ gốc 100.000.000 đồng quá hạn từ ngày 01/12/2019 đến ngày 29/9/2020: 15.316.027 đồng.

- Tiền lãi chậm trả đối với tiền lãi cho vay trong hạn từ ngày 01/12/2019 đến ngày 29/9/2020: 3.574.108 đồng.
- Tiền gốc 350.000.000 đồng.
- Tổng cộng 411.944.568 đồng

Và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 30/9/2020 cho đến ngày Ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N trả hết nợ cho Ngân hàng với mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp bên vay vốn không trả được nợ, Ngân hàng L có quyền lựa chọn một trong các hình thức xử lý sau:

- Có quyền yêu cầu ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N giao tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng L để ngân hàng tự xử lý theo quy định tại Điều 301 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Hoặc có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự (sau khi có bản án, quyết định của Tòa án) xử lý đối với tài sản mà ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng L theo quy định tại Luật thi hành án dân sự. Trường hợp khi đã xử lý hết tài sản bảo đảm mà số tiền thu được không đủ để thanh toán hết nợ vay thì ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N nhưng ông H, bà Nh vắng mặt, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án. Do đó, Tòa án huyện T giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Ngày 30/11/2018, Ngân hàng L cho ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N vay số tiền vay số tiền 300.000.000 đồng; ông H, bà Nh thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 901053, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04785 do UBND huyện T cấp ngày 02/12/2015. Ông Nguyễn Vũ H và

bà Nguyễn Thị N đã không trả nợ như cam kết nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật. Tính đến ngày 29/9/2020, ông H, bà Nh còn nợ tiền lãi cho vay trong hạn 43.054.433 đồng; tiền lãi đối với nợ gốc 100.000.000 đồng quá 15.316.027 đồng; tiền lãi chậm trả đối với tiền lãi 3.574.108 đồng; tiền gốc 350.000.000 đồng, tổng cộng 411.944.568 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tính dụng; Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng L số tiền 411.944.568 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N không thanh toán nợ, Ngân hàng L được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T phát mãi tài sản đảm bảo.

Ông H, bà Nh tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và chịu 20.477.782 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng L 10.064.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001144 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng L yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N phải trả tổng số tiền 411.944.568 đồng, do ông H, bà Nh vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Hợp đồng tín dụng số HDTD67020183176 mà ông H, bà Nh đã ký kết với Ngân hàng, do đó đây là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi ký kết hợp đồng tín dụng, ông H, bà Nh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông nên theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tổng đạt hợp lệ, niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông H, bà Nh không hợp tác, không có mặt và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 30/11/2018, ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD67020183176 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt vay số tiền 350.000.000 đồng, với lãi suất trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng là 12,2%/năm; thời hạn cho vay 24 tháng (từ ngày 23/03/2019 đến

ngày 22/03/2021); mục đích cho vay là thanh toán các chi phí phát triển nông nghiệp nông thôn. Xét thấy, hợp đồng được ký kết giữa ông H, bà Nh và Ngân hàng L là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ các quy định quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 12 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N không trả nợ như cam kết theo Hợp đồng tín dụng HĐTD67020183176.

Đối với số tiền nợ gốc: Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông H, bà Nh còn nợ số tiền 350.000.000 đồng, Ngân hàng đã yêu cầu nhưng ông H, bà Nh vẫn không trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại điểm e khoản 8.2 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số HĐTD67020183176, vi phạm Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L, buộc ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền gốc là 350.000.000 đồng cho Ngân hàng L.

Đối với yêu cầu trả: tiền lãi trong hạn, tiền lãi trên tiền nợ gốc quá hạn và tiền lãi chậm trả đối với tiền lãi cho vay trong hạn: Theo hợp đồng tín dụng số HĐTD67020183176 có quy định lãi trong hạn là 12,2%/năm; lãi suất áp dụng với dư nợ gốc quá hạn là 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn và lãi chậm trả đối với tiền lãi cho vay trong hạn là 10% là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Kể từ ngày 10/12/2019, khoản tiền vay của ông H, bà Nh chuyển quá hạn; tính đến ngày 29/9/2020, ông H, bà Nh còn phải trả: tiền lãi trong hạn: 43.054.433 đồng; số tiền lãi trên nợ gốc (100.000.000 đồng) mà ông H, bà Nh phải trả cho Ngân hàng là 15.316.027 đồng; tiền lãi chậm trả đối với tiền lãi cho vay trong hạn là 3.574.108 đồng.

- Tổng số tiền ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng L là 411.944.568 đồng (Nợ gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 43.054.433 đồng, lãi với dư nợ gốc quá hạn: 15.316.027 đồng; tiền lãi chậm trả đối với tiền lãi cho vay trong hạn 3.574.108 đồng)

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Đối với tài sản mà ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N đã thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng L có quyền yêu cầu ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N giao tài sản để xử lý theo quy định tại Điều 299, Điều 301, Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 hoặc có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý đối với tài sản mà ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng L theo quy định tại Luật thi hành án dân sự. Trường hợp khi đã xử lý hết tài sản bảo đảm, số tiền thu được không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng L được chấp nhận nên ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 + 4% (411.944.568 đồng – 400.000.000 đồng) = 20.477.782 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng L 10.064.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001144 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 12 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 301, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt đối với ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt tổng số tiền 411.944.568 đồng, trong đó: nợ gốc 350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 43.054.433 đồng, lãi với dư nợ gốc quá hạn: 15.316.027 đồng; tiền lãi chậm trả đối với tiền lãi cho vay trong hạn 3.574.108 đồng.

Kể từ ngày 30/9/2020, ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt có quyền: yêu cầu ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N giao tài sản đã thế chấp để xử lý theo quy định tại Điều 301 của Bộ luật Dân sự năm 2015 hoặc có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý đối với tài sản mà ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng L theo quy định tại Luật thi hành án dân sự. Trường hợp khi đã xử lý hết tài sản bảo đảm, số tiền thu được không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Vũ H và bà Nguyễn Thị N phải nộp 20.477.782 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng L 10.064.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001144 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Quang Trung